

PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA LÍ 12

Tổng số tiết: 70 tiết (63 tiết thực học + 7 tiết ôn tập, kiểm tra)

TT	PHẦN/BÀI	SỐ TIẾT
PHẦN 1. ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN		12
1	Bài 1. Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ	2
2	Bài 2. Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa	2
3	Bài 3. Sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên	4
4	Bài 4. Thực hành: Viết báo cáo về sự phân hoá tự nhiên Việt Nam	1
5	Bài 5. Vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường	3
PHẦN 2. ĐỊA LÍ DÂN CƯ		5
1	Bài 6. Dân số Việt Nam	2
2	Bài 7. Lao động và việc làm	1
3	Bài 8. Đô thị hoá	1
4	Bài 9. Thực hành: Viết báo cáo về một chủ đề dân cư ở Việt Nam	1
PHẦN 3. ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH KINH TẾ		21
1	Bài 10. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế	2
2	Bài 11. Vấn đề phát triển ngành nông nghiệp	3
3	Bài 12. Vấn đề phát triển ngành lâm nghiệp và ngành thủy sản	2
4	Bài 13. Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp	1
5	Bài 14. Thực hành: Tìm hiểu vai trò ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; vẽ biểu đồ và nhận xét về ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	1
6	Bài 15. Chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp	1
7	Bài 16. Một số ngành công nghiệp	3
8	Bài 17. Tổ chức lãnh thổ công nghiệp	1
9	Bài 18. Thực hành: Vẽ biểu đồ, nhận xét và giải thích tình hình phát triển ngành công nghiệp	1
10	Bài 19. Vai trò, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ	1
11	Bài 20. Giao thông vận tải và bưu chính viễn thông	2
12	Bài 21. Thương mại và du lịch	2
13	Bài 22. Thực hành: Tìm hiểu sự phát triển một số ngành dịch vụ	1
PHẦN 4. ĐỊA LÍ CÁC VÙNG KINH TẾ		23
1	Bài 23. Khai thác thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ	2
2	Bài 24. Phát triển kinh tế - xã hội ở Đồng bằng sông Hồng	2
3	Bài 26. Phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản ở Bắc Trung Bộ	2
4	Bài 27. Phát triển kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ	1
5	Bài 25. Thực hành: Viết báo cáo về ý nghĩa của phát triển kinh tế biển đối với quốc phòng an ninh	1
6	Bài 28. Khai thác thế mạnh để phát triển kinh tế ở Tây Nguyên	2
7	Bài 29. Phát triển kinh tế - xã hội ở Đông Nam Bộ	3
8	Bài 30. Sử dụng hợp lí tự nhiên để phát triển kinh tế ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long	3
9	Bài 31. Thực hành: Viết báo cáo về biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long	1
10	Bài 32. Phát triển các vùng kinh tế trọng điểm	3
11	Bài 33. Phát triển kinh tế và đảm bảo quốc phòng an ninh ở Biển Đông và các đảo, quần đảo	2
12	Bài 34. Thực hành: Viết báo cáo tuyên truyền về bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam	1
PHẦN 5. THỰC HÀNH: TÌM HIỂU ĐỊA LÍ ĐỊA PHƯƠNG		2
1	Bài 35. Thực hành: Tìm hiểu địa lí địa phương	2

TT	PHẦN/BAI	SỐ TIẾT
	ÔN TẬP, KIỂM TRA	7

STT	CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP	SỐ TIẾT
1	Chuyên đề 12.1. Thiên tai và biện pháp phòng chống	10
2	Chuyên đề 12.2. Phát triển vùng	15
3	Chuyên đề 12.3. Phát triển làng nghề	10

Tuần 1
PPCT: Tiết 1,2.

Ngày soạn:...../9/2024

BÀI 1. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ PHẠM VI LÃNH THỔ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Trình bày vị trí địa lí, giới hạn phạm vi lãnh thổ Việt Nam.
- Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ đối với tự nhiên, kinh tế - xã hội và quốc phòng.

2. Năng lực

- Năng lực giao tiếp và hợp tác, tự chủ và tự học, giải quyết vấn đề và sáng tạo
- Sử dụng được bản đồ để xác định vị trí địa lý và phạm vi lãnh thổ nước ta. Phân tích được ý nghĩa của vị trí địa lí đối với KT-XH, AN- QP, hình thành nhận thức thế giới theo quan điểm không gian.
- Đọc được bản đồ hành chính châu Á, bản đồ tự nhiên nước ta từ atlas địa lý.
- Cập nhật được những thông tin chính xác và thời sự về chủ quyền lãnh thổ nước ta trên biển Đông.

3. Phẩm chất

- Yêu nước, lòng tự hào dân tộc.
- Chăm chỉ, sống trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Bản đồ tự nhiên Việt nam
- Bản đồ các nước Đông Nam Á
- Sơ đồ phạm vi các vùng biển theo luật biển Quốc tế 1982
- Atlas Việt Nam.
- Bài giảng, phiếu học tập và giấy A2 (hoặc bảng nhóm)

2. Chuẩn bị của học sinh

- Sách giáo khoa Địa lí 12 KNTT&CS.
- Bảng phụ, bút viết
- Atlas Địa lí Việt Nam, sách bài tập, vở ghi bài. Bút màu các loại.
- Thiết bị điện tử có kết nối internet (nếu có),...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

*** Ôn định tổ chức**

STT	Lớp	Sĩ số	Ghi chú
-----	-----	-------	---------

1			
2			
3			
4			

*** Hoạt động học tập:**

1. Hoạt động : Khởi động – mở đầu

a) **Mục đích:** HS trả lời được 12 câu hỏi kiến thức về Việt Nam.

b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng kiến thức SGK và những hiểu biết của bản thân.

c) **Sản phẩm:** HS nhớ lại kiến thức đã được học và vận dụng kiến thức của bản thân trả lời câu hỏi GV đưa ra.

d) **Tổ chức thực hiện:**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV cho học sinh 2 nhóm - đội chơi trò chơi **TÔI TÀI GIỎI- BẠN CŨNG THỂ**

- ❖ Chia lớp thành 2 đội chơi, mỗi đội có 5 học sinh đại diện trả lời.
- ❖ Các đội lần lượt chọn câu hỏi.
- ❖ Mỗi câu trả lời đúng được 10 điểm.
- ❖ Thời gian: 10 giây/1 câu.

Đội có số điểm lớn nhất => chiến thắng

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 03 phút.

Câu hỏi 1. Quốc ca Việt Nam là bài “Tiến quân ca” với những giai điệu thiêng liêng, hào hùng do nhạc sĩ nào sáng tác?

Đáp án; Văn Cao

Câu 2. Tác phẩm quốc huy Việt Nam của họa sĩ tài danh nào sáng tác

Đáp án: Bùi Trang Chước.

Câu 3. Sông gì tên một loài hoa

Ngàn năm đỏ sắc phù sa sớm chiều?

Đáp án: Sông Hồng.

Câu 4. Ai là người soạn thảo và đọc bản Tuyên ngôn độc lập của nước Việt Nam trước công chúng tại vườn hoa Ba Đình ngày 2 tháng 9 năm 1945.

Đáp án: Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Câu 5. *Sông nào danh tiếng lẫy lừng*

Ba lần giặc đến, ba lần thủy phơi

Địch sang, sông thét sóng gào

Cọc ngầm dựng sẵn đâm tàu giặc tan?

Đáp án: Sông Bạch Đằng.

Câu 6. Bốn bình trước, bốn bình sau

Nhanh tìm 8 tỉnh kể mau khen tài

Đáp án: Bình Dương, Bình Phước, Bình Định, Bình Thuận. Hòa Bình, Thái Bình, Ninh Bình, Quảng Bình

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận và trả lời:** HS các đội chơi trả lời câu hỏi, GV thông báo đáp án.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu về đặc điểm vị trí địa lí nước ta

a) **Mục đích:** HS trình bày vị trí địa lí, giới hạn, phạm vi lãnh thổ Việt Nam, các điểm cực Bắc, cực Nam, Đông, Tây của phần đất liền; Xác định được hệ tọa độ của nước ta.

b) **Nội dung:** HS 4 nhóm quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu ở phiếu học tập, nhóm nào nhanh hơn của GV.

I. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ PHẠM VI LÃNH THỔ

1 Vị trí Việt Nam

a. Vị trí địa lí

- Vị trí gần trung tâm của khu vực Đông Nam Á, trên đất liền tiếp giáp các nước Trung Quốc, Lào, Cam-pu-chia, chung Biển Đông với nhiều quốc gia.

- Phạm vi lãnh thổ phần đất liền được xác định bởi các điểm cực:

+ Điểm cực Bắc: khoảng vĩ độ 23°23'B tại xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang.

+ Điểm cực Nam: khoảng vĩ độ 8°34'B tại xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

+ Điểm cực Tây: khoảng vĩ độ 102°09'B tại xã Sín Thầu, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên.

+ Điểm cực Đông: khoảng vĩ độ 109°28'B tại xã Vạn Thạnh, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

b. Vị trí Việt Nam có các đặc điểm nổi bật

+ Nằm ở khu vực Đông Nam Á – nơi có các tuyến đường giao thông quốc tế quan trọng, tài nguyên thiên nhiên phong phú, đa dạng về nền văn hoá và là nơi có nền kinh tế phát triển năng động trên thế giới.

+ Lãnh thổ nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến của bán cầu Bắc, nơi thường xuyên chịu ảnh hưởng của gió mùa châu Á và gió Mậu dịch (Tín phong).

+ Gần nơi giao nhau của các vành đai sinh khoáng lớn là Thái Bình Dương và Địa Trung Hải; nằm trên đường di cư, di lưu của nhiều loài sinh vật từ các khu hệ sinh vật khác nhau.

+ Nằm trong khu vực có nhiều thiên tai trên thế giới như: bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn, lũ, ngập lụt, nắng nóng, hạn hán,... và chịu tác động mạnh mẽ của biến đổi khí hậu.



Nhóm 1,3

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Đọc mục 1 vị trí địa lí ở SGK, thảo luận nhóm hoàn thành phiếu học tập sau:

1. Việt Nam nằm ở
2. Việt Nam nằm ở kinh, vĩ tuyến.....
3. Đặc điểm nổi bật về vị trí.....



Nhóm 2,4

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đọc mục 2 ở SGK, thảo luận nhóm hoàn thành phiếu học tập sau:

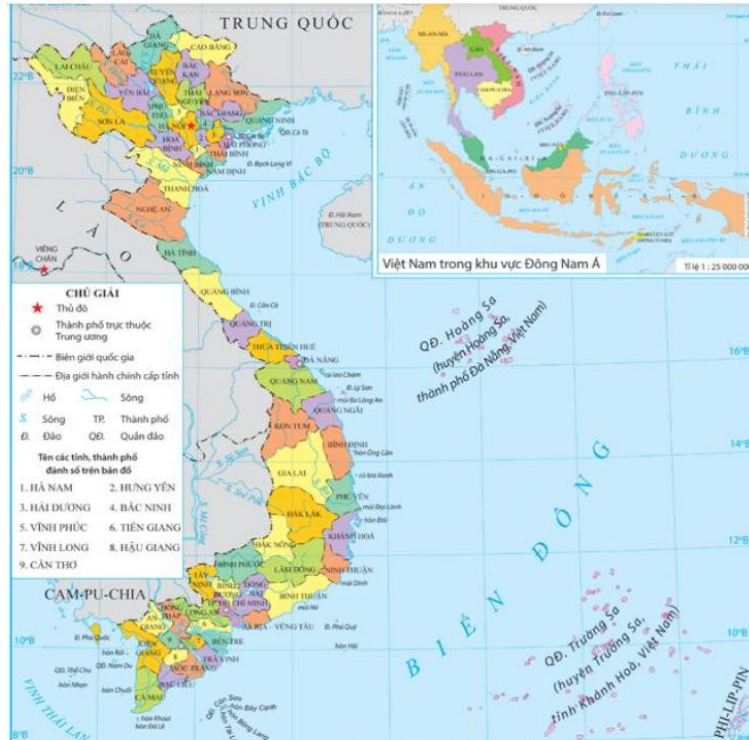
1. Vùng đất
2. Vùng biển.....
3. Vùng trời.....

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

d) **Tổ chức thực hiện:**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS đọc SGK, Atlas, kết hợp vốn hiểu biết của bản thân và trao đổi với bạn bên cạnh để trả lời câu hỏi:

+ Câu hỏi: Quan sát bản đồ, xác định vị trí địa lí của Việt Nam?



- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- + Các cặp nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 05 phút.
- + GV: quan sát và trợ giúp các cặp.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- + Các cặp trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau
- + Đại diện một số cặp trình bày, các cặp khác bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu về phạm vi lãnh thổ nước ta

a) **Mục đích:** HS hiểu được phạm vi vùng đất, vùng biển, vùng trời và diện tích lãnh thổ.

b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

2. Phạm vi lãnh thổ

- Lãnh thổ Việt Nam là một khối thống nhất và toàn vẹn, bao gồm ba bộ phận là: vùng đất, vùng biển, vùng trời.

- Vùng đất: là toàn bộ phần đất liền được xác định trong phạm vi đường biên giới của nước ta với các nước láng giềng và phần đất nổi của hàng nghìn hòn đảo trên Biển Đông. Tổng diện tích các đơn vị hành chính hơn 331 nghìn km² (2021).

- Vùng biển: diện tích khoảng 1 triệu km², tiếp giáp vùng biển các nước: Trung Quốc, Phi-líp-pin, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Xin-ga-po, Cam-pu-chia, Thái Lan. Gồm 5 bộ phận:

+ Nội thủy: vùng nước tiếp giáp với bờ biển, ở phía trong đường cơ sở và là bộ phận lãnh thổ của Việt Nam.

+ Lãnh hải: vùng biển có chiều rộng 12 hải lí tính từ đường cơ sở ra phía biển. Ranh giới ngoài của lãnh hải là biên giới quốc gia trên biển của Việt Nam.

+ Vùng tiếp giáp lãnh hải: vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải, có chiều rộng 12 hải lí tính từ ranh giới ngoài của lãnh hải.